TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2024/DS-ST
Ngày 29/02/2024
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH BẮC KẠN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vi Hồng Lễ;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lành Thị Hải;

2. Ông Phạm Văn Ngọ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vy Thị Hoài Nụ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà Âu Thị Hồng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 02 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 01/2023/DSST, ngày 11 tháng 10 năm 2023 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2024/QĐXXST- DS, ngày 12 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1968;

Trú tại: Thôn N, xã V, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

Vắng mặt tại phiên toà (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1983;

Trú tại: Thôn N, xã T, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn.

Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày:

Vào năm 2017 ông có xây dựng công trình nhà xưởng cho Công ty G ở Khu công nghiệp T B thuộc xã T B (nay là xã T), huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn nên có quen biết và thuê bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1983, trú tại thôn N, xã T, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn nấu cơm cho ban chỉ huy công trình. Ngày 07/12/2021 bà Nguyễn Thị H có vay của ông 09 chỉ vàng ta 9999, tương đương 45.000.000đ *(Bốn mươi lăm triệu đồng)*. Số vàng này là tài sản riêng của ông để dành. Mục đích bà H mượn vàng của ông là để đáo hạn Ngân hàng, bà H hẹn ngay sau khi đáo hạn xong sẽ trả cho ông, tuy nhiên bà H không trả cho ông như thỏa thuận. Ông đã đòi bà H nhiều lần đến ngày 13/4/2023 bà H gặp ông và thỏa thuận mỗi tháng sẽ trả cho ông 2.000.000đ *(Hai triệu đồng)* cho đến khi trả xong toàn bộ số tiền 45.000.000đ *(Bốn mươi lăm triệu đồng)*. Ông nhất trí với phương án trả nợ của bà H nên bà H trực tiếp viết Giấy thỏa thuận trả nợ, có nội dung sẽ trả tiền vào ngày 15 hàng tháng. Đến ngày 09/5/2023 bà H trả cho ông được 2.000.000đ *(Hai triệu đồng)*, từ đó đến nay không trả cho ông thêm lần nào.

Hiện nay ông đã không còn giữ giấy vay vàng vì đã thỏa thuận với bà H, ông chỉ còn giữ Giấy thỏa thuận trả nợ bản gốc và đã nộp cho Tòa án làm căn cứ để giải quyết vụ án. Ông khẳng định chữ viết và chữ ký trong Giấy thỏa thuận trả nợ là của bà H trực tiếp viết và ký. Ông cam đoan lời trình bày của mình là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Để bảo vệ quyền lợi của mình ông đề nghị Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn buộc bà Nguyễn Thị H trả cho ông số tiền nợ gốc là 43.000.000đ *(Bốn mươi ba triệu đồng)* và không yêu cầu tính lãi.

* Về phía bị đơn bà Nguyễn Thị H: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà Nguyễn Thị H, đồng thời niêm yết các giấy triệu tập và thông báo tại nơi cư trú của bà H rất nhiều lần theo quy định tại Điều 177, 179 của Bộ luật tố tụng dân sự, tuy nhiên bà H vẫn không có mặt tại Tòa án để giải quyết, do đó Tòa án không tiến hành lấy lời khai và hòa giải được.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và phát biểu về quan điểm giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử: Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện cơ bản đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn chấp hành đúng yêu cầu quy định, bị đơn mặc dù đã được tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần, nhưng vắng mặt không có lý do là chưa thực hiện đúng nghĩa vụ. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 26, 35,

39, 147/BLTTDS; các Điều 116,117, 280, 357, 463, 466, 470/BLDS; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ. Buộc bà Nguyễn Thị H phải trả cho ông Nguyễn Văn Đ số tiền gốc còn nợ là 43.000.000đ *(Bốn mươi ba triệu đồng)*.Ông Đ không yêu cầu bà H phải trả tiền lãi nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- *Về quyền khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn và Giấy thỏa thuận trả nợ có chữ ký của bị đơn. Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Do bị đơn bà Nguyễn Thị H cư trú tại xã T, huyện Chợ Mới, nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

- *Về thời hiệu khởi kiện:* Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, nên theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật dân sự thì thời hiệu khởi kiện vẫn còn.

- *Về thủ tục tố tụng xét xử vắng mặt của bị đơn:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo về việc thụ lý vụ án và tống đạt hợp lệ đến bị đơn. Đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú của bà Nguyễn Thị H nhiều lần theo quy định tại Điều 177 và Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng bà H vẫn vắng mặt không có lý do; qua xác minh thì hiện nay bà H vẫn có mặt tại địa phương. Căn cứ vào khoản 1 điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án này thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được. Do vậy, quyết định đưa vụ án ra xét xử là có căn cứ.

Ngày 31/01/2024, Tòa án đã mở phiên tòa để xét xử vụ án, nhưng bà H vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử ra Quyết định hoãn phiên tòa. Việc mở lại phiên tòa để xét xử về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo yêu cầu của ông Đ là cần thiết để đảm bảo quyền lợi cho đương sự. Tại phiên tòa xét xử lần 2, ông Đ có đơn xin xét xử vắng mặt và bà H tiếp tục vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án: Ngày 07/12/2021 ông Nguyễn Văn Đ cho bà Nguyễn Thị H vay 09 chỉ vàng ta 9999, tương đương 45.000.000đ *(Bốn mươi lăm triệu đồng)* để đáo hạn Ngân hàng và thỏa thuận bằng miệng với nhau khi nào đáo hạn xong thì bà H sẽ trả ngay, tuy nhiên bà H đã không thực hiện như đã thoả thuận, ông Đ đã đòi bà H nhiều lần. Đến ngày 13/4/2023 bà H gặp ông Đ và thỏa thuận mỗi tháng sẽ trả cho ông Đ 2.000.000đ *(Hai triệu đồng)* cho đến khi trả xong toàn bộ số tiền 45.000.000đ *(Bốn mươi lăm triệu đồng)*. Ông Đ nhất trí với phương án trả nợ của bà H nên bà H trực tiếp viết Giấy thỏa thuận trả nợ, có nội dung sẽ trả tiền vào ngày 15 hàng tháng. Đến ngày 09/5/2023 bà H trả cho ông được 2.000.000đ *(Hai triệu đồng)*, từ đó đến nay không trả cho ông thêm lần nào. Nay ông Đ yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị H phải trả cho ông tổng số tiền là 43.000.000đ *(Bốn mươi ba triệu đồng)*.

Xét thấy: Ông Nguyễn Văn Đ khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị H phải trả số tiền 43.000.000đ *(Bốn mươi ba triệu đồng)* là có cơ sở, bởi lẽ việc ông Đ khởi kiện có thông báo cho bà H biết và cung cấp các chứng cứ là Giấy thoả thuận trả nợ có chữ ký của bà H, cam đoan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về chữ ký, chữ viết trên giấy thoả thuận trên là do bà H trực tiếp viết ra. Đồng thời Toà án đã thông báo và niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ đối với bà H, qua xác minh thì hiện nay bà H vẫn cư trú tại địa phương, gia đình bà H cũng khẳng định bà H biết việc khởi kiện trên, tuy nhiên bà H không đến Toà án giải quyết để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, mặc nhiên từ bỏ quyền đó. Như vậy có đủ cơ sở khẳng định việc vay mượn tài sản trên là đúng thực tế, do đó cần chấp nhận đơn khởi kiện của ông Đ là có căn cứ. Buộc bà Nguyễn Thị H phải trả cho ông Nguyễn Văn Đ tổng số tiền là 43.000.000đ *(Bốn mươi ba triệu đồng)*.

Việc thi án khoản tiền trên được thực hiện theo Điều 357/BLDS về việc tính lãi suất.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật. Hoàn trả lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273/BLTTDS; Điều 116, Điều 117, Điều 280, Điều 463, Điều 466/BLDS và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ. Buộc bà Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn Đ tổng số tiền là 43.000.000đ *(Bốn mươi ba triệu đồng)*.

Việc thi hành án khoản tiền trên được thực hiện theo Điều 357/BLDS:

"1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này".

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 2.150.000đ *(Hai triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí dân sự. Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn Đ số tiền 1.000.000đ *(Một triệu đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000059 ngày 09/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Các đương sự;
- UBND xã T (Để niêm yết);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Vi Hồng Lễ